

Ngoài ra, trong vụ án còn có 31 người bị hại và 60 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2012 đến tháng 5/2017, do cần tiền tiêu xài và trả nợ do vay nóng ngoài xã hội nên A đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 43.528.000.000 đồng (bốn mươi ba tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng), cụ thể như sau:

1. Lừa đảo thông qua hình thức xin việc làm chiếm đoạt tổng số tiền 6.335.000.000 đồng:

Với thủ đoạn lừa đảo xin đi học, xin việc làm, A đã nhận và chiếm đoạt số tiền 6.335.000.000 đồng của 08 bị hại, cụ thể:

1.1. Chiếm đoạt của bà C số tiền 1.870.000.000 đồng.

Vào khoảng cuối năm 2012, trong quá trình theo học tiếng anh tại một trung tâm ngoại ngữ trên đường Q3, Đà Nẵng. C gặp A và được A giới thiệu tên P, nhà 400 Đường Kh, Đà Nẵng, hiện đang công tác tại trường Đại học Ngoại Ngữ Đà Nẵng, có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo của trường và lãnh đạo các cơ quan doanh nghiệp, có thể giúp xin đi học và xin việc làm. A đưa cho C một số bộ “Hồ sơ học sinh trung học cấp nghề” do học viện Hàng Không Việt Nam phát hành. A biết theo quy định thì Học viện hàng không chỉ xét tuyển chứ không thi tuyển nhưng vẫn nói với C là có thể lo cho những người có nhu cầu vào học tại Học Viện Hàng Không, không phải qua thi tuyển và sau khi học xong sẽ được bố trí vào làm việc tại các bộ phận dịch vụ của sân bay Đà Nẵng. Nhưng phải tốn chi phí từ 100 đến 150 triệu, tùy vào chuyên ngành học và vị trí làm việc khi ra trường. Theo đó, A bảo C nếu ai có nhu cầu đi học và chấp nhận chi phí thì C cứ nhận hồ sơ và tiền giao lại cho A. Do vậy, C đã đứng ra nhận hồ sơ và tiền của nhiều người là người quen của C, để đưa cho A gồm:

C1, sinh năm 1991, trú xã BA, huyện Y, tỉnh Quảng Nam: số tiền 150 triệu đồng;

C2, sinh năm 1993, trú thôn BR, xã QX2, huyện Y1, tỉnh Quảng Nam: Số tiền 150 triệu đồng;

C3, sinh năm 1993, trú tổ 37, phường U1, quận U, Đà Nẵng: số tiền 100 triệu đồng;

C4, sinh năm 1993, trú K316 đường X1, quận M, Đà Nẵng: số tiền 140 triệu đồng;

C5, sinh năm 1994, trú khối 4 thị trấn ĐL, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An: số tiền 100 triệu đồng;

C6, sinh năm 1987, trú 340/1 đường TĐT, phường HM, quận L, Đà Nẵng: số tiền 140 triệu đồng;

C7, sinh năm 1992, trú 283/1 đường HD, phường BH, quận M, Đà Nẵng: số tiền 140 triệu đồng;

A1, sinh năm 1993, trú huyện ĐL1, tỉnh Hà Tĩnh: số tiền 140 triệu đồng;

C8, sinh năm 1993, trú huyện TD, tỉnh Nghệ An: số tiền 150 triệu đồng;

C9, sinh năm 1992, trú 31 đường LTN, quận M, Đà Nẵng: số tiền 70 triệu đồng;

C10, sinh năm 1993, trú xã TL1, huyện Y2, tỉnh Quảng Nam: số tiền 40 triệu đồng;

C11, sinh năm 1990, trú tổ 28, phường HM, quận L, Đà Nẵng: số tiền 60 triệu đồng;

C12, sinh năm 1989, trú xã TL2, huyện Y2, tỉnh Quảng Nam: số tiền 30 triệu đồng;

C13, sinh năm 1994, trú thôn 8, xã QX2, huyện Y1, tỉnh Quảng Nam: số tiền 40 triệu đồng;

C14, sinh năm 1991, trú thôn 3, xã QX2, huyện Y1, tỉnh Quảng Nam: số tiền 70 triệu đồng;

C15, sinh năm 1990, trú thôn 2, xã BT, huyện Y, tỉnh Quảng Nam: số tiền 60 triệu đồng;

C16, sinh năm 1993, trú 22 đường NVH, phường Kh, quận M2, Đà Nẵng: Số tiền 35 triệu đồng;

Và một vài người khác C không nhớ tên với số tiền 225 triệu đồng;

Khi nhận hồ sơ và tiền từ C, A ký nhận với tên là P3 vào sổ tay của C với tổng số tiền là 1.870.000.000 đồng. Tất cả những người này đều có quyết định nhập học vào hệ trung cấp nghề tại Học viện Hàng Không (*do theo quy định học viện là chỉ xét tuyển chứ không có thi*) tuy nhiên, khi tốt nghiệp ra trường, không ai được tuyển dụng đi làm nên yêu cầu trả lại tiền, A đã trả lại cho C số tiền 690 triệu đồng.

1.2. Chiếm đoạt của ông D số tiền 930 triệu đồng:

Vào năm 2014, thông qua các mối quan hệ xã hội, D được A giúp làm hồ sơ cho các con của mình được vào học hệ Trung cấp nghề tại Học viện Hàng Không Việt Nam. Sau đó, A mua một xe máy hiệu Vespa và nhờ ông D đứng tên đăng ký chủ sở hữu, từ đó gia đình ông D và A thân thiết với nhau. Trong quá trình này, A nói với vợ chồng ông D là công tác ở Bộ giáo dục và đào tạo, nên có quan hệ thân thiết với các trường Đại học và lãnh đạo các cơ quan và doanh nghiệp, nên có thể xin giúp đi học và xin việc cho người có nhu cầu.

Do A giới thiệu như vậy, nên có một số người quen của D có con học xong đại học nhưng chưa có việc làm; được D đưa đến gặp A; thì A nói có thể

xin việc tại bất cứ cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp nào, tuy nhiên để xin được, tùy vào vị trí và đơn vị công tác phải tốn chi phí từ 100 đến 200 triệu đồng, đồng thời nói với ông D là do quen biết D, giúp D nên chỉ nhận hồ sơ xin việc từ ông D. Do vậy, ông D nói lại với những người có nhu cầu đưa hồ sơ và tiền cho để D giao cho A. D đã nhận 05 bộ hồ sơ cùng số tiền 930 triệu đồng của những người quen để đưa cho A, cụ thể:

D1, sinh năm 1992, trú tại: 105 đường NDT, tổ 92, phường HX, quận M3, Đà Nẵng: xin vào ngành Công An với số tiền 170 triệu đồng;

D2, sinh năm 1991, trú tổ 3, phường HL1, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh: Xin vào ngành Công An với số tiền 200 triệu đồng;

D3, sinh năm 1992, trú Khối phố 2, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Quảng Trị: xin vào nhà khách Công an TP Đà Nẵng với số tiền 180 triệu đồng;

D4, sinh năm 1994, trú xóm 17, xã Ng1, huyện Ng, tỉnh Nghệ An: xin vào nhà khách Công an TP Đà Nẵng với số tiền 180 triệu đồng;

D5, sinh năm 1988, trú tổ 41, phường U1, quận U, tp Đà Nẵng: xin vào sân bay Đà Nẵng với số tiền 200 triệu đồng;

Sau khi nhận hồ sơ và tiền A không thực hiện xin việc như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt số 930 triệu đồng từ ông D.

1.3. Chiếm đoạt của bà Đ số tiền 1.560.000.000 đồng.

Vào khoảng đầu năm 2016, thông qua mối quan hệ với vợ chồng ông D, A làm quen với bà Đ. A giới thiệu với bà Đ, A tên là C đang công tác tại Sở giáo dục Đà Nẵng, có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo của các cơ quan và doanh nghiệp, nên có thể giúp xin việc làm cho người có nhu cầu. Bà Đ nói với bà A là có một số người cháu ở quê đã học xong đại học nhưng chưa xin được việc làm, muốn nhờ A giúp. A đồng ý và nói với bà Đ là A có thể xin vào bất cứ cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp nào, tuy nhiên để xin việc làm và tùy theo vị trí, đơn vị công tác mà phải tốn chi phí từ 100 đến 200 triệu đồng. Đồng thời A nói với bà Đ là do quen biết với bà Đ và giúp bà Đ nên chỉ nhận hồ sơ xin việc từ bà Đ. Tin lời A, bà Đ nói lại với những người có nhu cầu xin việc đưa hồ sơ và tiền cho bà Đ để bà Đ đưa cho A. Bà Đ đã nhận 11 bộ hồ sơ và số tiền 1,560 tỷ đồng để đưa cho A, gồm:

Đ1, sinh năm 1987, trú 136 Đường BT, TP Z1, tỉnh Thừa-Thiên Huế: 150 triệu đồng để xin vào An ninh soi chiếu sân bay Đà Nẵng;

Đ2, sinh năm 1991, Khu liên hiệp 2, phường Q3, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi: số tiền 180 triệu đồng để xin vào không lưu, sân bay Đà Nẵng;

Đ3, sinh năm 1993, trú 294 đường HTM, phường HM, quận L, Đà Nẵng: số tiền 200 triệu đồng để xin vào Kểm toán nhà nước;

Đ4, sinh năm 1987, trú 279 đường NT, TP Vinh, tỉnh Nghệ An: Số tiền 100 triệu đồng để xin vào bộ phận Checkin Sân bay Vinh;

Đ5, sinh năm 1994, trú thôn 12, xã Ng1, huyện Ng, tỉnh Nghệ An: Số tiền 150 triệu đồng để xin vào cứu hỏa, sân bay Đà Nẵng;

Đ6, sinh năm 1997, trú xã Ch, huyện Q4, tỉnh Nghệ An: số tiền 150 triệu đồng để xin vào cứu hỏa, sân bay Đà Nẵng;

Đ7, sinh năm 1993, trú phường HL1, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh: Số tiền 150 triệu đồng để xin vào cứu hỏa, Sân bay Đà Nẵng;

Đ8, sinh năm 1993, trú phường Q4, thị xã HM, tỉnh Nghệ An: Số tiền 200 triệu đồng để xin vào xuất nhập cảnh, Công an TP Đà Nẵng;

Đ9, sinh năm 1989, trú tại: phường NT1, thị xã Ch1, tỉnh Nghệ An: Số tiền 100 triệu đồng để xin vào An ninh hàng không Sân bay Đà Nẵng;

Đ10, sinh năm 1987, trú tại: phường NTh, thị xã Ch1, tỉnh Nghệ An: Số tiền 100 triệu đồng để xin vào Công nhân vận hành điện Sân bay Đà Nẵng;

Đ11, sinh năm 1993, trú phường LL, thành phố Z2, tỉnh Nghệ An: Số tiền 100 triệu đồng để xin vào An ninh hàng không, Sân bay Đà Nẵng;

Tổng số tiền A đã nhận của bà Đ là 1.560.000.000 đồng.

Sau khi nhận hồ sơ và tiền, A không thực hiện việc xin việc. Đến thời gian như A cam kết, không ai được tuyển dụng đi làm nên bà Đ yêu cầu A trả tiền lại, A đã trả lại cho bà Đ số tiền 730.000.000 đồng.

1.4. Chiếm đoạt của ông E số tiền 180 triệu đồng:

A nhận của ông E số tiền 180 triệu đồng để xin việc cho con của ông E là E1, sinh năm 1992, trú Tiểu khu 3, thị trấn Q5, huyện Q6, tỉnh Quảng Bình, tuy nhiên A không thực hiện và chiếm đoạt số tiền này.

1.5. Chiếm đoạt của ông F số tiền 200 triệu đồng:

A nhận của F 200 triệu đồng vào ngày 29/3/2017 thông qua số tài khoản 0041000266955 của A1 (là nhân viên tiệm Spa của A) mở tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng để xin việc làm cho cháu của F là F1, sinh năm: 1992, trú tiểu khu 3, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, tuy nhiên A không thực hiện và chiếm đoạt số tiền này.

1.6. Chiếm đoạt của ông G số tiền 850 triệu đồng:

Thông qua các mối quan hệ xã hội, G được mọi người giới thiệu A có khả năng xin việc vào các cơ quan nhà nước, do đó ông G đã nhận hồ sơ xin việc và tiền của một số người là người thân trong gia đình để đưa cho A gồm:

G1, sinh năm 1993, trú tại: Thôn MT, xã MT1, huyện LT, tỉnh Quảng Bình: số tiền 100 triệu đồng để xin vào làm việc tại nhà khách V26 Bộ Công An;

G2, sinh năm 1992, trú tại: phường TL, TP BX, tỉnh Đắk Lắk: Số tiền 100 triệu đồng để xin vào làm việc tại nhà khách V26 Bộ Công An;

G3, sinh năm 1994, trú tại: 7/6 đường NVK, phường Ph, thị xã Ph1, tỉnh Thừa-Thiên Huế: Số tiền 100 triệu đồng để xin vào làm việc tại nhà khách V26 Bộ Công An;

G4, sinh năm 1991, trú tại: xã K3, huyện K2, tỉnh Hà Tĩnh: Số tiền 100 triệu đồng để xin vào làm việc tại sân bay Đà Nẵng;

G5, sinh năm 1996, trú tại: xóm HT, huyện DX, tỉnh Nghệ An: Số tiền 150 triệu đồng để xin vào bộ phận phòng cháy chữa cháy Sân bay Đà Nẵng;

G6, sinh năm 1994, trú tại: Số 621 đường NTT, phường Ph2, thị xã Ph1, tỉnh Thừa Thiên Huế: số tiền 200 triệu đồng để xin vào Tòa Án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

G7, sinh năm 1994, trú tại: 142/96 đường ĐBP, quận U, Đà Nẵng: Số tiền 100 triệu đồng để xin vào làm việc tại nhà khách V26 Bộ Công An;

A không thực hiện như đã cam kết và chiếm đoạt số tiền này.

1.7. Chiếm đoạt của H số tiền 295 triệu đồng:

Thông qua các mối quan hệ xã hội, tin rằng A có khả năng xin việc làm, nên ngày 21/8/2014 ông H giao cho A số tiền 140 triệu đồng để xin việc cho cháu ông H là H1, sinh năm 1996, trú thôn 2, xã TT1, huyện TT2, tỉnh Nghệ An. Tiếp đó ngày 5/12/2014, A nhận của ông H số tiền 155 triệu đồng để xin việc cho cháu của ông H là H2, sinh năm 1988, trú tại thôn 1B, xã TT1, huyện TT2, tỉnh Nghệ An vào làm việc tại Sân bay Đà Nẵng. Tuy nhiên A không thực hiện như đã cam kết mà chiếm đoạt số tiền này.

1.8. Chiếm đoạt của ông I số tiền 450 triệu đồng:

Thông qua mối quan hệ với I1, giáo viên trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Bộ Công an (*trụ sở tại huyện Y, tỉnh Quảng Nam*), ông I gặp A và được A giới thiệu tên là P1, công tác Bộ Nội Vụ, có khả năng xin cho các con của ông được tuyển vào ngành công an và học tại trường Trung cấp Cảnh sát giao thông 5. Do đó, ngày 27/3/2016 ông I cùng vợ là I4 đã giao cho A số tiền 200 triệu đồng để xin cho con là I2 được nhập học. Tiếp đó ngày 11/5/2016 A nhận của vợ chồng I số tiền 250 triệu đồng để xin cho con ông là I3 được vào biên chế ngành công an. Sau khi nhận tiền A không thực hiện như đã cam kết, khi ông I đòi lại tiền thì A đã trả lại cho ông 200 triệu đồng.

2. Lừa đảo thông qua hình thức bán đất không có thật chiếm đoạt tổng số tiền 17.530.000.000 đồng:

Vào khoảng cuối năm 2016 đầu năm 2017, A được L, sinh năm 1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TNĐ, xã HN, huyện M4, Đà Nẵng; chỗ ở : Tổ 20A, phường HX, quận M2, Đà Nẵng gửi cho hình ảnh chụp sơ đồ bố trí các lô đất, quyết định giao đất và danh sách cán bộ quân nhân Vùng 3 quân chủng Hải quân được bố trí đất ở tại khu gia đình quân nhân Vùng 3 quân chủng Hải quân, thuộc phường MK, quận M3, thành phố Đà Nẵng, mục đích của L là để A tìm xem có ai nhận đất mà không sử dụng để mua.

Thời gian gần đến tết Nguyên Đán 2017, để có tiền trả nợ, mặc dù không có đất nhưng A sử dụng hình ảnh chụp sơ đồ bố trí các lô đất, quyết định giao đất và danh sách cán bộ quân nhân Vùng 3 quân chủng Hải quân được bố trí đất nói trên để rao bán rẻ hơn giá trị thị trường từ 30% đến 50%, nhận tiền đặt cọc và chiếm đoạt của nhiều bị hại với tổng số tiền 17.530.000.000 đồng gồm:

2.1. Chiếm đoạt của bà T1 số tiền 01 tỷ đồng:

Ngày 16/01/2017 A nhận số tiền 01 tỷ đồng của T1, để bán 02 lô đất ký hiệu B2.46-5 và B2.46-6 tại khu gia đình quân nhân Vùng 3 quân chủng Hải quân thuộc phường KM, quận M3, Đà Nẵng.

2.2. Chiếm đoạt của ông T2 số tiền 300 triệu đồng:

Ngày 19/01/2017 thông qua mối quan hệ quen biết trước, A nhận số tiền 300 triệu đồng của T2, để bán lô đất ký hiệu B2.4-18.

2.3. Chiếm đoạt của ông T3 số tiền 450 triệu đồng và ông T4 số tiền 300 triệu đồng:

Thông qua sự giới thiệu của T2, A lừa bán cho T3 lô đất ký hiệu B2.4-13 chiếm đoạt số tiền 450 triệu đồng và lừa bán cho anh T4 lô đất ký hiệu B2.4-14 để chiếm đoạt của anh T4 số tiền 300 triệu đồng.

2.4. Chiếm đoạt của bà T5 số tiền 7,380 tỷ đồng:

Ngày 19/01/2017 T5 đã thỏa thuận mua của A 06 lô đất ký hiệu B2.4-3, 4, 65, 67, 68, 69 và A viết giấy nhận của T5 số tiền 1,88 tỷ đồng. Qua tìm hiểu thấy giá đất mà A đưa ra thấp hơn giá thị trường nên T5 tiếp tục giao tiền cho A để đặt cọc mua thêm các lô đất sau:

Ngày 20/1/2017 A ký nhận 1,8 tỷ đồng của T5 để bán 07 lô đất ký hiệu B2.4-10, 11, 12, 80, 81, 82, 83;

Ngày 23/01/2017 A ký nhận 600 triệu đồng của T5 để bán 02 lô đất ký hiệu B2.4-5,8;

Ngày 25/01/2017 A ký nhận 500 triệu đồng của T5 để bán 04 lô đất ký hiệu B2.3-176, 177, 178, 179;

Ngày 06/2/2017, Hăng nhận 200 triệu đồng của T5 bán lô B2.4 hai mặt tiền;

Ngày 21/2/2017 A ký nhận 200 triệu đồng của T5 để bán 01 lô đất ký hiệu B2.4-9;

Ngày 07/03/2017 A ký nhận số tiền 800 triệu đồng của T5 để bán 07 lô đất ký hiệu B2.3-152, 153, 165, 166, 168, 169, 170;

Khi đến thời gian như A cam kết, bà T5 liên hệ với A để hoàn tất thủ tục mua bán các lô đất, thì A nêu lý do là UBND thành phố Đà Nẵng đang bị thanh tra, nên lãnh đạo chưa ký quyết định để ra sổ được, A nói với T5 nếu không muốn mua nữa thì A trả lại tiền cọc. Do thấy nhiều người được A trả tiền cọc nên T5 vẫn tin là A có đất thật và do điều kiện khách quan mà chưa thể hoàn tất

thủ tục mua bán. Thấy T5 tin mình, nên A nói với T5 là cần khoản tiền 1,4 tỷ đồng để thực hiện đáo hạn các khoản vay của A tại ngân hàng để nâng mức vay lên cao hơn. Tin lời A, T5 đưa cho A mượn 1,4 tỷ đồng trong 03 ngày. Đến ngày trả nợ, A nói với T5 là tiền vay được đã dùng để trả tiền đặc cọc cho người mua đất, nên yêu cầu T5 chuyển tiền cho A vay thành tiền đặc cọc mua các lô đất khác thuộc các dự án khu gia đình quân nhân Vùng 3 Hải quân. Do vậy, ngày 25/5/2017 A viết giấy thể hiện nhận 400 triệu đồng của T5 để bán 04 lô đất ký hiệu B2.3-147, 148, 149, 150; và ngày 31/5/2017 A viết giấy thể hiện nhận 01 tỷ đồng của T5 để bán 05 lô đất ký hiệu B2.3-141, 142, 143, 144, 145;

Tổng số tiền A đã chiếm đoạt của T5 là 7,380 tỷ đồng.

Ngoài những trường hợp trên, còn có một số người có nhu cầu mua đất làm nhà ở, qua tìm hiểu các dịch vụ môi giới mua bán bất động sản đã chủ động tìm đến A để đặc cọc mua đất và đã bị A chiếm đoạt gồm:

2.5 Chiếm đoạt của anh T6 số tiền 1,2 tỷ đồng bằng các hình nhận tiền đặc cọc để bán cho T6 11 lô đất, cụ thể:

Ngày 14/02/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 300 triệu đồng để bán cho anh T6 02 lô đất B2.4-92, 93;

Ngày 15/02/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 300 triệu đồng để bán cho anh T6 03 lô đất B2.3-71, 72, 73;

Ngày 23/02/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 100 triệu đồng để bán cho anh T6 01 lô đất B2.4-110;

Ngày 24/02/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 400 triệu đồng để bán cho anh T6 04 lô đất B2.3-137, 138, 139, 140;

Ngày 07/03/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 100 triệu đồng để bán cho anh T6 01 lô đất B2.3-173.

Khi anh T6 đòi lại tiền, A đã trả cho anh T6 được 600 đồng.

2.6. Chiếm đoạt của T7 số tiền 400 triệu và ông T8 số tiền 100 triệu đồng bằng hình thức nhận đặc cọc 04 lô đất:

Ngày 04/04/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 300 triệu đồng để bán cho bà T7, ông T8 02 lô đất B2.3-141, 142;

Ngày 08/5/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 200 triệu đồng để bán cho bà T7, ông T8 02 lô đất B2.3-137, 138.

Trong số tiền 500 triệu đồng này, có 400 triệu đồng của bà T7 và 100 triệu đồng của ông T8.

2.7. Chiếm đoạt của anh T9 300 triệu đồng và anh T10 số tiền 300 triệu đồng: bằng hình thức nhận đặc cọc để bán cho T9 02 lô đất ký hiệu B2.4-68, 69, theo giấy nhận tiền ngày 25/01/2017.

2.8. *Chiếm đoạt của anh T11 số tiền 400 triệu đồng:* bằng hình thức nhận đặc cọc để bán cho T11 02 lô đất ký hiệu B2.4-4, 6; Theo hợp đồng đặc cọc ngày 25/5/2017.

2.9. *Chiếm đoạt của anh T12 số tiền 3,3 tỷ đồng đặc cọc để bán 12 lô đất, cụ thể:*

Ngày 22/02/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 600 triệu đồng để bán 02 lô đất số 91, 92;

Ngày 24/02/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 01 tỷ đồng để bán 05 lô đất số 56, 57, 58, 59, 60;

Ngày 27/02/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 1,5 tỷ đồng để bán 05 lô đất 61, 103, 104, 110, 111;

Sau khi nhận tiền đặc cọc, A hẹn sau 30 đến 45 ngày sẽ hoàn thành việc ra sổ đỏ (Giấy chứng nhận QSDĐ) cho người mua, tuy nhiên đến hẹn không thực hiện được nên A đã hoàn lại cho T12 số tiền 1,5 tỷ đồng nhận. Ngoài ra, do quen biết, nên anh T12 cho A vay số tiền 200 triệu đồng để đáo hạn ngân hàng và bị A chiếm đoạt.

2.10. *Chiếm đoạt của anh T13 số tiền 300 triệu đồng bằng hình thức nhận đặt cọc để bán cho lập 02 lô đất ký hiệu B2.4-121, 122, cụ thể:*

Ngày 17/5/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 100 triệu đồng để bán 01 lô đất B2.4-122;

Ngày 20/5/2017, A viết giấy nhận đặc cọc số tiền 200 triệu đồng để bán 02 lô đất B2.4-121.

2.11. *Chiếm đoạt của chị T14 số tiền 1,8 tỷ đồng:*

Thông qua việc bán 02 lô đất trên đường Bùi Kỳ, quận M, Đà Nẵng. Tuy nhiên, các lô đất trên không phải của A và A cũng không được ai giao quyền bán đất, số tiền nhận được của T14, A sử dụng tiêu xài các nhân hết.

3. Lừa đảo thông qua hình thức vay đáo hạn ngân hàng với tổng số tiền 19,643 tỷ đồng:

A chỉ có một tài sản là nhà và đất tại K34/H19/16 Đường Th1, phường HT1, quận M, thành phố Đà Nẵng và đã thế chấp vay số tiền 1,55 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP VN (Ngân hàng VN) chi nhánh Đà Nẵng, Phòng giao dịch Ng. Thông qua việc này A quen biết V nguyên là chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP VN (Ngân hàng VN) và Ngân hàng TMCP ĐC (Ngân hàng ĐC) chi nhánh Đà Nẵng; qua đó A nhờ V giới thiệu các đối tượng làm dịch vụ cho vay tiền đáo hạn ngân hàng, V đã cung cấp số điện thoại của những người này cho A chủ động liên hệ giao dịch, những khoản vay này A đã trả đúng hạn cả gốc và lãi. Để thực hiện việc chiếm đoạt, A đã lợi dụng các nhân viên ngân hàng V và V1 (nhân viên Ngân hàng QĐ chi nhánh Đà Nẵng - người đã bị A lừa bán đất trước đó) như tạo ra các buổi tiếp xúc giữa những người cho vay với nhân viên ngân hàng tại các quán cà phê để tạo lòng tin, tiếp tục vay tiền của nhiều người rồi chiếm đoạt, cụ thể:

3.1 *Chiếm đoạt của bà V2 số tiền 1,5 tỷ đồng vào ngày 25/5/2017.*

3.2 *Chiếm đoạt của ông V3 số tiền 300 triệu đồng vào ngày 31/5/2017.*

3.3 *Chiếm đoạt của chị V4 số tiền 1,85 tỷ đồng.*

Ngày 16/5/2017, bà V4 cho A vay 1,85 tỷ đồng trong thời hạn 05 ngày. Khi hết thời gian vay V4 đòi lại tiền thì A nói là đã sử dụng tiền để mua đất tại Khu gia đình quân nhân Vùng 3 Hải quân, nên nói với V4 chuyển tiền cho vay thành tiền đặt cọc để mua 04 lô đất ký hiệu B2.4-5, 8, 15, 16 khu gia đình quân nhân Vùng 3 Hải quân tại phường KM, quận M3, Đà Nẵng và bị A chiếm đoạt hết.

3.4 *Chiếm đoạt của chị V5 số tiền 2,2 tỷ đồng:*

Ngày 15/12/2016, chị V5 cho A vay số tiền 700 triệu đồng; ngày 24/02/2017 và ngày 06/3/2017 A vay tiếp số tiền 800 triệu đồng và 500 triệu đồng để đáo hạn ngân hàng. Những lần cho A vay, chị V5 đều yêu cầu A viết giấy nhận tiền. Ngoài ra, V5 khai còn bị A lừa bán lô đất C2-39 đường NB2, quận M, Đà Nẵng cho V5 để nhận số tiền 1,0 tỷ đồng tiền cọc nhưng không viết giấy nhận tiền. Qua đối chất, A chỉ thừa nhận có lừa bán lô đất C2-39 đường NB2, quận M, Đà Nẵng và chiếm đoạt thêm của V5 số tiền 200 triệu đồng tiền đặt cọc.

3.5 *Chiếm đoạt của bà V6 số tiền 700 triệu đồng:*

Ngày 22/02/2017 và ngày 28/3/2017, bà V6 cho A vay số tiền 700 triệu đồng để đáo hạn ngân hàng, sau khi vay được tiền A đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên để sử dụng cho mục đích cá nhân.

3.6 *Chiếm đoạt của bà V7 số tiền 5,3 tỷ đồng:*

Từ ngày 05/01/2017 đến ngày 12/5/2017, V7 cho A vay nhiều lần với số tiền là 9.648.750.000 đồng, theo A nói với bà Sứ là để đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên A không có bất cứ khoản vay nào cần đáo hạn. A đã dùng số tiền này để trả nợ sau đó dùng số tiền chiếm đoạt của những người mua đất để trả lại cho V7.

Vào ngày 19/5/2017, A gọi cho V7 để vay số tiền 3,1 tỷ đồng để đáo hạn tại Ngân hàng QĐ và hẹn V7 đem tiền đến Ngân hàng QĐ trên đường LĐL để nộp vào tài khoản cho A. Khi V7 mang tiền đến, A nói V7 đến quán cà phê gần Ngân hàng để ngồi và gọi V1 là nhân viên tín dụng phụ trách món vay của A ra uống uống cà phê. Tại đây A nói với V1: *“đây là bạn của chị, sẽ giúp chị lấy số đất Nguyễn Văn Linh ra rồi vay lại tại Ngân hàng em”*. Sau đó giữa V1 và A nói chuyện với nhau về mua bán đất và lãi suất vay ngân hàng...Do thấy giữa A và V1 nói chuyện thân mật, V1 mặc đồng phục ngân hàng và trước đây nhiều lần A vay đều đã trả đúng hạn nên bà V7 tin là A có vay tại Ngân hàng QĐ mà không cần hỏi lại V1 để xác định việc A có vay thật hay không. Do đó sau khi uống cà phê xong, V7 đem số tiền 3,1 tỷ đồng nộp vào tài khoản số 3010161415002 của A mở tại Ngân hàng QĐ. Ngay sau khi bà V7 nộp vào tài khoản, thì A đến Ngân hàng làm thủ tục rút tiền ra sử dụng trả nợ cá nhân.

Tiếp đó, A nêu lý do là giờ có khách mua căn nhà 50 Đường Kh, Đà Nẵng của A, nên A cần số tiền 2,2 tỷ đồng để tất toán một hợp đồng vay tại Ngân hàng Ngân hàng ĐC để lấy số tiền về bán cho khách. Do đã nhiều lần cho A vay và được A thanh toán đúng hạn, nên bà V7 tin lời A nói là thật, tuy nhiên để củng cố lòng tin của bà V7, A dùng một bản photocopy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà 50 Đường Kh, sau đó ghép tên mình vào thành người chủ sở hữu để đưa cho bà V7, do vậy ngày 25/5/2017 V7 đã cho A vay số tiền 2, 2 tỷ đồng và bị A chiếm đoạt.

3.7 Chiếm đoạt của ông V7 số tiền 4,28 tỷ đồng:

Vào ngày 14/10/2016, A vay của V8 1,6 tỷ đồng với lý do cần đáo hạn ngân hàng nhưng chỉ viết giấy số tiền 01 tỷ đồng; tiếp đó ngày 02/6/2017 A viết giấy nhận đặt cọc số tiền 2,5 tỷ đồng để bán cho V8 03 lô đất đường LVH; ngoài ra A còn nhận của V8 số tiền 180 triệu đồng để xin việc làm cho người thân của V8, nhưng không thực hiện.

3.8 Chiếm đoạt của ông I1 số tiền 513 triệu đồng:

Thông qua thủ đoạn vay tiền để đáo hạn ngân hàng, A đã nhiều lần vay của I1 số tiền 2,343 tỷ đồng bằng cách chuyển vào tài khoản số 0107676933 của A2 (là nhân viên tiệm Spa của A) mở tại Ngân hàng ĐA. A đã trả vào tài khoản số 0101736405 của I1 mở tại Ngân hàng ĐA số tiền 1,830 tỷ đồng còn lại chiếm đoạt 513 triệu đồng.

3.9 Chiếm đoạt của bà V9 số tiền 03 tỷ đồng:

Lợi dụng mối quan hệ quen biết, A đưa ra các lý do gian dối là cần tiền mua đất để mượn của bà V9 03 tỷ đồng, nhưng thực tế không có việc mua đất mà chiếm đoạt số tiền này để sử dụng cho mục đích cá nhân.

Quá trình điều tra xác định A không có quan hệ với bất cứ Lãnh đạo của các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nào trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, để có thể tác động xin cho người có nhu cầu được tuyển dụng vào làm việc và bản thân A hoàn toàn không có khả năng xin việc làm cho bất kỳ người nào tại các cơ quan, tổ chức.

Tiến hành xác minh tại Học viện Hàng không Việt Nam, xác định Học viện Hàng không Việt Nam có tổ chức đào tạo hệ trung cấp nghề, quy mô tuyển sinh toàn quốc, điều kiện tuyển sinh là xét tuyển không qua thi tuyển trên cơ sở điểm thi tốt nghiệp cấp 3 của học sinh. Khi xét tuyển học sinh chỉ nộp lệ phí xét tuyển là 30.000 đồng, quá trình học 2 năm học sinh nộp học phí là 10 triệu đồng, ngoài ra nhà trường không thu bất kỳ khoản phí nào khác. Khi học xong tại Học viện Hàng không Việt Nam học sinh tự tìm việc làm. Ban giám đốc Học viện Hàng không xác định A không có làm việc hay giảng dạy tại Học viện và không được A nhờ giúp đỡ trong quá trình xét tuyển cũng như giới thiệu xin việc làm cho bất kỳ trường hợp nào.(BL: 81-82).

Xác minh tại Đại học Đà Nẵng, xác định Đại học Đà Nẵng và các trường Đại học thành viên, gồm: Đại Học Ngoại ngữ; Đại học Sư phạm; Đại học Kinh

tế... không có nhân viên, giảng viên nào là A và không ký kết hợp đồng giảng dạy đối với A.(BL:80).

Xác minh tại Bộ Tư lệnh Vùng 3 quân chủng Hải quân, xác định Bộ Tư lệnh Hải quân có Quyết định số 94/QĐ-BTL ngày 16/12/2016 giao quyền sử dụng đất cho một số cán bộ, quân nhân tại Khu gia đình quân nhân Vùng 3 Hải quân, phường KM, quận M3, thành phố Đà Nẵng. Khu đất này hiện chưa được các cơ quan có chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó chưa thể thực hiện việc chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Đối với các lô đất có số lô như A thỏa thuận để bán cho các bị hại, những người được giao đất đều khẳng định: không có giao dịch bán, hứa hẹn bán, chuyển nhượng hoặc ủy quyền cho A được quyền giao dịch nhận tiền đặt cọc để bán các lô đất này. (BL: 186- 339).

A khi nhận tiền của người bị hại đã viết giấy nhận tiền, bằng cách sử dụng các tên gọi khác nhau khi thực hiện việc nhận tiền, nhưng trên cơ sở các tài liệu, chứng từ này, ngày 15/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra các Quyết định trưng cầu giám định số 55, 56, 57, 58 và 59/PC46(Đ5) trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng giám định chữ viết và chữ ký trên các giấy nhận tiền do bị hại cung cấp. Ngày 21/3/2018 Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng có Kết luận giám định số 90, 91, 92, 94 và 95/C54C(Đ2) kết luận chữ viết và chữ ký trong các giấy nhận tiền do bị hại cung cấp và chữ viết và chữ ký của A là do cùng một người viết và ký ra. (BL:110-185)

4. Việc sử dụng tiền chiếm đoạt:

Quá trình điều tra chứng minh tổng số tiền mà A chiếm đoạt của các bị hại là 43,528 tỷ đồng và sử dụng như sau:

Đầu tư kinh doanh dịch vụ Spa tại phía sau khách sạn Đa Nẵng Pearl 2 số 01 Trần Quốc Toản, Đà Nẵng do ông A3 và bà A4 - công ty TNHH TMDV A5 cho mượn mặt bằng, khoảng 500 triệu đồng (hiện nay bị siết nợ không còn tài sản gì).

Mua căn nhà tại địa chỉ K34/H19/16 Đường Th1, phường HT1, quận M, Đà Nẵng 3,2 tỷ đồng (đã chuyển nhượng trước khi bị khởi tố).

Mua một xe máy hiệu Vespa 70 triệu đồng, (do chưa đăng ký hộ khẩu thường trú nên nhờ D đứng tên đăng ký, chiếc xe này đã được thu giữ).

Đăng ký điều trị tia Laser tại Chi nhánh Cty cổ phần GV tại Đà Nẵng 138 triệu đồng (số tiền này đã được thu giữ).

Sử dụng cho mục đích tiêu xài cá nhân, như: đi du lịch nước ngoài (theo Cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp A đã xuất cảnh nhiều lần), sử dụng mua sắm những mặt hàng đắt tiền với số lượng lớn và chi tiêu phóng khoáng để làm cho nhiều người tin A là người giàu sang, có địa vị cao và có quan hệ xã hội rộng...các khoản chi này rất nhiều và A không nhớ hết được.

Sử dụng để trả lại cho những người bị hại đưa tiền cho A xin việc nhưng A không xin được bị đòi lại, những người mua đất nhưng không có đất: 4,950 tỷ đồng.

Trả cho các khoản vay tín dụng đen 14,475 tỷ đồng.

Chuyển trả nợ cho B là em ruột của A số tiền 350 triệu đồng và Đỗ Thành Trung là người quen của A số tiền 416 triệu đồng.

Ngoài ra, qua đối chiếu sao kê tài khoản số 75070888 và 104000405217 của A, mở tại ngân hàng Ngân hàng VN và Ngân hàng ĐC xác định có khoản tiền 27,283 tỷ đồng được chuyển vào tài khoản để cho A vay nhưng để tên người nộp tiền là A chứ không có thông tin gì khác nên không có cơ sở xác minh.(BL: 408-414; 385).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HSST ngày 05/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, m khoản 1 Điều 52; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tuyên bố bị cáo A phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: A **Tù chung thân**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 06/6/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 12/11/2018, bị cáo A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển sang hình phạt tù có thời hạn.

Ngày 05/12/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B kháng cáo yêu cầu không buộc bà phải nộp lại số tiền 350.000.000 đồng mà bị cáo A đã trả nợ cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2012 đến đầu năm 2017, bị cáo A đã nhiều lần thay tên đổi họ tên, dùng nhiều thủ đoạn tinh vi, gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng số tiền 43.528.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Bị cáo A đã sử dụng nhiều tên gọi khác như như: P, C, P1..v.v... và giới thiệu với mọi người là đang công tác tại cơ quan nhà nước như: Bộ Giáo dục đào tạo, Bộ Nội Vụ, Trường Đại học ngoại ngữ Đà Nẵng.v.v... Có nhiều

mối quan hệ quen biết với các Trường đại học và Lãnh đạo ở các cơ quan nhà nước tại địa phương có thể xin được việc làm, xin đi học không cần qua thi tuyển và sau khi học xong sẽ được bố trí vào làm việc ở những vị trí có thu nhập cao, có địa vị xã hội, như Học viện hàng không Việt Nam, Trường trung cấp cảnh sát giao thông 5, các bộ phận dịch vụ sân bay Đà Nẵng và các Cơ quan nhà nước khác.v.v... làm cho người bị hại tưởng thật, nên đã đưa hồ sơ và tiền của những người thân cho A, rồi sau đó A chiếm đoạt. Với thủ đoạn này bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 08 người bị hại, với tổng số tiền là: **6.335.020.000 đồng.**

Ngoài ra, mặc dù không có đất nhưng A đã lợi dụng hình ảnh chụp sơ đồ bố trí các lô đất, quyết định giao đất và danh sách cán bộ quân nhân vùng 3 Hải quân, do L gửi cho A để nhờ A tìm người không có nhu cầu ở, bán lại thì mua. Bị cáo A lợi dụng lòng tham của một số người để rao bán rẻ hơn giá cả thị trường từ 30% đến 50%, sau đó nhận tiền đặt cọc rồi chiếm đoạt của 11 người bị hại, tổng số tiền **17.530.000.000 đồng.** Bị cáo còn đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền để đáo hạn Ngân hàng với lãi suất cao. Với thủ đoạn hết sức tinh vi, A lợi dụng V, V1 là nhân viên Tín dụng các Ngân hàng đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để nhờ V và V1 giới thiệu những người chuyên cho vay đáo hạn Ngân hàng để A vay tiền của những người này. Sau khi vay tiền của 09 người bị hại số tiền **19.643.000.000 đồng,** A chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, với tổng số tiền và tài sản trị giá 43.528.000.000 đồng của bị cáo A đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

Với hành vi phạm tội và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết tội A: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của A, thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo tự tạo vỏ bọc cho mình là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan nhà nước, có địa vị xã hội. Có nhiều mối quan hệ thân quen với các cấp lãnh đạo từ Bộ, Ngành trung ương đến địa phương. Có nhiều tài sản, nhà cửa, đất đai, làm cho người khác mất cảnh giác để chiếm đoạt tài sản của nhiều người, trong một thời gian dài mà không bị phát hiện. Để tránh bị phát hiện và chiếm đoạt được số tiền lớn, bị cáo lấy tài sản lừa đảo của người sau trả cho người bị lừa trước, để tạo lòng tin rồi tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt số tiền lớn hơn. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt đặc biệt lớn, hơn 43 tỷ đồng, không có khả năng khắc phục.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vật chất, tinh thần của những người bị hại. Do đó cần xử phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo phạm tội nhiều lần và dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công cách mạng, ông Ngoại bị cáo được Nhà nước tặng thưởng *Bằng có công với nước*. Cha mẹ bị cáo được nhà nước tặng nhiều *Bằng* khen, Huy chương vì Sự nghiệp Giáo dục. Bị cáo cũng có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử phạt bị cáo hình phạt tù Chung Thân là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình tình tiết nào mới, khác. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[3]. Xét kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà B yêu cầu không buộc chị nộp lại số tiền 350.000.000 đồng mà bị cáo A trả nợ cho chị, thấy:

Đối với số tiền 350.000.000 đồng mà bị cáo A chuyển vào khoản cho em ruột là bà B, tại phiên tòa sơ thẩm ban đầu bị cáo A khai là tiền do bị cáo làm ăn, kinh doanh dành dụm trả nợ cho B nhưng sau đó bị cáo lại thừa nhận như lời khai tại cơ quan điều tra và xác định lại đó là tiền do bị cáo lừa đảo của người bị hại chuyển trả nợ cho bà B. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy số tiền trên là do bị cáo A chiếm đoạt của những người bị hại mà có, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà B phải nộp lại để trả lại cho người bị hại là có căn cứ.

Đối với các khoản tiền vay mượn giữa Bị cáo A và bà B là quan hệ dân sự, nên được giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Do kháng cáo của bị cáo A và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà B không được chấp nhận, nên bị cáo A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HSST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, m khoản 1 Điều 52; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo **A tù Chung Thân**, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam ngày 06/6/2017.

[2]. Không chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HSST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên buộc bà B phải nộp số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) để đảm bảo thi hành án cho người bị hại.

[3]. Về án phí:

Bị cáo A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an Tp. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an Tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-Công an Tp. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp Tp. Đà Nẵng;
- Cục THADS Tp. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA Tp. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long